

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 05-8-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
tranh chấp về xác định cha cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị P, sinh năm 19xx; nơi thường trú: Thôn N, H, xã V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 19xx; nơi thường trú: Thôn N, A, xã V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Trịnh T, sinh năm 19xx; nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, L, phường T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2025 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng, chị Phạm Thị P (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 04 tháng 6 năm 2012. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hoà giải nH không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Đ có hai con chung tên là Nguyễn Tấn D, sinh ngày 18/02/20xx và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 09/3/20xx. Hiện con tên là Nguyễn Phúc H đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, con tên là Nguyễn Tấn D đang do anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Hai con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị và anh Nguyễn Văn Đ đều có đủ kiện nuôi con. Khi ly hôn chị đề nghị giao con chung tên là Nguyễn Phúc H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung tên là Nguyễn Tấn D cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị để chị và anh Nguyễn Văn Đ tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có sinh 01 con vào ngày 09 tháng 02 năm 2025 nhưng chị khẳng định không phải là con chung của chị với anh Nguyễn Văn Đ.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị P không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Về tranh chấp xác định cha cho con: Sau khi sống ly thân với anh Nguyễn Văn Đ, chị Phạm Thị P có sinh 01 con vào ngày 09 tháng 02 năm 2025. Chị khẳng định con do chị sinh ra ngày 09 tháng 02 năm 2025 có cha đẻ là anh Nguyễn Trịnh T. Vì vậy chị đề nghị Toà án xác định anh Nguyễn Trịnh T là cha đẻ của con do chị sinh ra vào ngày 09 tháng 02 năm 2025, giới tính nam theo Giấy chứng sinh số 000844, quyển số 09/2025, ngày 09 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện Phụ Sản - Sản Y tế thành phố Hải Phòng.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không trình bày quan điểm của mình.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 4 năm 2025 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng, anh Nguyễn Trịnh T (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Năm 2024 anh quen biết và nảy sinh tình cảm với chị Phạm Thị P nhưng không biết chị Phạm Thị P đã kết hôn. Nay chị Phạm Thị P đề nghị Toà án xác định là anh là cha đẻ của con do chị Phạm Thị P sinh ra vào ngày 09 tháng 02 năm 2025, giới tính nam theo Giấy chứng sinh số 000844, quyển số 09/2025, ngày 09 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện Phụ Sản - Sở Y tế thành phố Hải Phòng thì anh khẳng định là đúng, đề nghị Toà án công nhận.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 4 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Đ. Giao con chung tên là Nguyễn Phúc H, sinh ngày 09/3/20xx cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên là Nguyễn Tấn D, sinh ngày 18/02/20xx cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Đ tự thỏa thuận giao nhận cho nhau. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Xác định anh Nguyễn Trịnh T là cha đẻ của con do chị Phạm Thị P sinh ngày 09 tháng 02 năm 2025, giới tính nam theo Giấy chứng sinh số 000844, quyển số 09/2025, ngày 09 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện Phụ Sản - Sở Y tế thành phố Hải Phòng. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp về xác định cha cho con chưa thành niên.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung, xác định cha cho con và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, anh Nguyễn Văn Đ không có ý kiến gì nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng không giải quyết trong vụ án này nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp về xác định cha cho con quy định tại khoản 1, 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hải Phòng. Chị Phạm Thị P, anh Nguyễn Trịnh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nH vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị P, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Trịnh T.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Đ được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 04 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Hải Phòng (trước đây là Ủy ban nhân dân xã A, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng) là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nH không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị Phạm Thị P xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Anh Nguyễn Văn Đ không trình bày quan điểm thể hiện chưa thực sự quan tâm đến hôn nhân. Căn cứ vào thực tế của quan hệ hôn nhân và quy định của pháp luật, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị P với anh Nguyễn Văn Đ.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân của chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Đ, chị Phạm Thị P có sinh 03 con, cụ thể như sau. 02 con tên là Nguyễn Tấn D, sinh ngày 18/02/20xx theo giấy khai sinh số 31 ngày 26/02/20xx và Nguyễn Phúc H, sinh ngày 09/3/20xx theo giấy khai sinh số 103 ngày 23/4/20xx đều của Ủy ban nhân dân xã V, thành phố Hải Phòng (trước đây là Ủy ban nhân dân xã A, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng) xác định cha là anh Nguyễn Văn Đ. 01 con sinh ngày 09 tháng 02 năm 2025, giới tính nam theo Giấy chứng sinh số 000844, quyền số 09/2025, ngày 09 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện Phụ Sản - Sản Y tế thành phố Hải Phòng theo Kết luận giám định số 1302/KL-KTHS ngày 28/5/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận anh Nguyễn Trịnh T là cha đẻ (độ tin cậy lớn hơn 99,99%). Như vậy đủ cơ sở xác định chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung tên là Nguyễn Tấn D và Nguyễn Phúc H. Khi ly hôn chị Phạm Thị P đề nghị giao con chung tên là Nguyễn Phúc H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên là Nguyễn Tấn

D cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn Đ không trình bày quan điểm của mình. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự thể hiện chị Phạm Thị P, anh Nguyễn Văn Đ đều có đủ điều kiện, khả năng và thời gian để chăm sóc con chung, hai con chung hiện đang khỏe mạnh phát triển bình thường, con tên là Nguyễn Phúc H hiện đang ở cùng mẹ và có nguyện vọng ở cùng mẹ, con tên là Nguyễn Tấn D đang ở cùng cha và ở cùng cha. Căn cứ vào tình hình thực tế và quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên là Nguyễn Phúc H cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên là Nguyễn Tấn D cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Phạm Thị P trình bày đề tự thỏa thuận và anh Nguyễn Văn Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về yêu cầu xác định cha cho con: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự xác định chị Phạm Thị P sinh 01 con vào ngày 09 tháng 02 năm 2025, giới tính nam theo Giấy chứng sinh số 000844, quyền số 09/2025, ngày 09 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện Phụ Sản - Sở Y tế thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị P, anh Nguyễn Trịnh T đều chung quan điểm con này có cha đẻ là anh Nguyễn Trịnh T nH sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn Đ không trình bày quan điểm của mình. Theo Kết luận giám định số 1302/KL-KTHS ngày 28/5/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận anh Nguyễn Trịnh T là cha đẻ của con do chị Phạm Thị P sinh vào ngày 09 tháng 02 năm 2025, giới tính nam theo Giấy chứng sinh số 000844, quyền số 09/2025, ngày 09 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện Phụ Sản - Sở Y tế thành phố Hải Phòng (độ tin cậy lớn hơn 99,99%). Từ những căn cứ trên và căn cứ Điều 88, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị P, xác định anh Nguyễn Trịnh T là cha đẻ của con do chị Phạm Thị P sinh vào ngày 09 tháng 02 năm 2025.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối với tranh chấp về xác định cha cho con chưa thành niên và đương sự xin miễn án phí nên đương sự được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 4 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên là Nguyễn Phúc H, sinh ngày 09/3/20xx cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên là Nguyễn Tấn D, sinh ngày 18/02/20xx cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tranh chấp xác định cha cho con: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phạm Thị P. Xác định anh Nguyễn Trịnh T là cha đẻ của con do chị Phạm Thị P sinh ngày 09 tháng 02 năm 2025, giới tính nam theo Giấy chứng sinh số 000844, quyền số 09/2025, ngày 09 tháng 02 năm 2025 của Bệnh viện Phụ Sản - Sở Y tế thành phố Hải Phòng.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Phạm Thị P đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (trước 01/7/2025 là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng) theo Biên lai số 0009621 ngày 08 tháng 4 năm 2025, chị Phạm Thị P đã nộp đủ án phí. Đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tranh chấp về xác định cha cho con chưa thành niên.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị P, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Trịnh T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 7 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã V, thành phố Hải Phòng;
- UBND phường T, TP Hải Phòng;
- Dương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trung Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Hiếu

